TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 68/2025/QĐST-HNGĐ	*Cầu Ngang, ngày 03 tháng 3 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 89/2024/TLST/HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Ông Lâm H, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Bà Thạch Thị Sa V, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 57; 58; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 02 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 02 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lâm H và bà Thạch Thị Sa V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông Lâm H và bà Thạch Thị Sa V tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung tên: Lâm Hoàng Q, sinh ngày 09/11/2008 đang sống chung với bà V có nguyện vọng sống chung với bà V khi cha mẹ ly hôn. Bà V và ông H thoả thuận như sau:

Bà Thạch Thị Sa V được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lâm Hoàng Q, sinh ngày 09/11/2008 khi ly hôn.

+ Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tòa án đã giải thích Điều 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn nhưng bà V và H không tranh chấp, không khởi kiện, nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Tòa án đã giải thích Điều 59, Điều 60 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nhưng ông H và bà V không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Ông Lâm H và bà Thạch Thị Sa V tự thoả thuận mỗi người chịu phân nửa án phí.

Bà V và ông H là người dân tộc thiểu số cư trú ở ấp có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí được quy định tại Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nên xét bà V, ông H không phải chịu án phí.

Ông H được trả lại vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0011419 ngày 28/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Cầu Ngang;
- Nơi thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Tranh